

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09/12/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình.

Bà Nguyễn Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc
Gia.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn
Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 09/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2019/TLST-HNGĐ
ngày 30/10/2019 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày
25/11/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Phạm Xuân H – Sinh năm 1991. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Phương T – Sinh năm 1998. (Xin vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại Đài Loan, địa chỉ: Phòng 5A đường K, quận T,
thành phố T, Đài Loan.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng và bản án, trích
lục bản án cho của chị Nguyễn Phương T: Ông Nguyễn Văn H1. Địa chỉ: Thôn
T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (Không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Xuân H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Phương T được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, về chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2015 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 04/3/2016 anh và chị T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Khoảng tháng 4 năm 2016 thì chị T đi lao động ở Đài Loan. Thời gian đầu chị T mới sang Đài Loan thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc. Đến khoảng tháng 5 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do sống xa nhau, tính cách không hợp nhau, không hiểu và không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị T vẫn trong thời gian lao động ở Đài Loan. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Ngoài ra anh còn trình bày, anh và chị T đã trao đổi qua điện thoại về việc ly hôn. Chị T hiện đang về Việt Nam nghỉ phép và có quan điểm đồng ý việc ly hôn; chị T đã làm bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và giấy uỷ quyền cho bố đẻ chị T là ông Nguyễn Văn H1. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang đề nộp cho Tòa án, đề nghị Tòa án xác minh và sớm giải quyết cho anh và chị T.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Phương T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện anh đi làm việc ở xa nên không thể về tham gia các buổi làm việc, lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án giữa anh và chị T được nên anh đề nghị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án. Anh giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại bản tự khai.

* Bị đơn là chị Nguyễn Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Xuân H được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, về chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2015 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 04/3/2016 chị và anh H mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Khoảng tháng 4 năm 2016 thì chị đi lao động ở Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc. Đến khoảng tháng 5 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do sống xa nhau, tính cách không hợp nhau, không hiểu và không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị vẫn trong thời gian lao động ở Đài Loan. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H

khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị thì chị đồng ý ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T còn trình bày: Do chị đang lao động tại Đài Loan, chị có về Việt Nam nghỉ phép ít ngày nên chị đề nghị xin được vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử của Tòa án; chị đã làm giấy uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn H1 (là bố đẻ), sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nộp các tài liệu chứng cứ, nhận bản án, trích lục bản án của vụ án này.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/11/2019, ông Nguyễn Văn H1 trình bày ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nộp các tài liệu chứng cứ, nhận bản án, trích lục bản án của vụ án theo nội dung giấy uỷ quyền của chị Nguyễn Phương T.

* Tại phiên tòa sơ thẩm anh Phạm Xuân H và chị Nguyễn Phương T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của anh Phạm Xuân H và chị Nguyễn Phương T, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX giải quyết cho anh Phạm Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Phương T. Về con chung: không có nên không giải quyết. Tài sản chung, công nợ: không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Xuân H là công dân có địa chỉ cư trú tại Xóm Tuần B, xã Q, tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hiện anh H có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Phương T là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, có địa chỉ: Phòng 5, tầng 8, số

122, đường K, quận T, thành phố Tân Bắc, Đài Loan. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn có đương sự là người Việt Nam ở nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu đứng tên chị Nguyễn Phương T, HĐXX thấy:

[2.1] Ngày 18/10/2019 chị T có về Việt Nam nghỉ phép, theo trình bày của chị T thời gian nghỉ phép ngắn và phải quay lại Đài Loan làm việc nên chị có bản tự khai, đơn xin xét xử vắng và giấy uỷ quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Văn H nhận các văn bản tố tụng, bản án, trích lục bản án và nộp các tài liệu cho Tòa án. Bản tự khai, đơn xin xét xử vắng và giấy uỷ quyền của chị T đều có xác nhận của UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. HĐXX chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[3]. Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng giao cho các đương sự được biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ. Anh Phạm Xuân H và chị Nguyễn Phương T đã có lời khai trình bày về việc ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; điểm a, khoản 5, Điều 477- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt anh Phạm Xuân H và chị Nguyễn Phương T.

[4]. Về quan hệ vợ chồng:

[4.1]. Anh Phạm Xuân H và chị Nguyễn Phương T được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, về chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2015 và đăng ký kết hôn ngày 04/3/2016 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Do vậy Tòa án xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Khoảng tháng 4 năm 2016 thì chị T đi lao động ở Đài Loan. Đến khoảng tháng 5 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sống xa nhau, tính cách không hợp nhau, không hiểu và không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau qua điện. Chị Nguyễn Phương T cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Phạm Xuân H xin ly hôn, chị đồng ý.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Xuân H và chị Nguyễn Phương T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Phạm Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Phương T.

[5]. Về con chung: Anh Phạm Xuân H và chị Nguyễn Phương T đều xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Anh Phạm Xuân H và chị Nguyễn Phương T đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Phạm Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phạm Xuân H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; điểm e, khoản 1, Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân H được ly hôn chị Nguyễn Phương T.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000465 ngày 30/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phạm Xuân H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Phương T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Phạm Xuân H hiện cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng

